

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH**

Số: 833/UBND-KT

V/v báo cáo tình hình thực hiện phân bổ và giải ngân vốn sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia đến hết tháng 4 năm 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn Tịnh, ngày 02 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi.

Trên cơ sở Công văn số 1345/STC-NS ngày 24/4/2024 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo tình hình thực hiện phân bổ và giải ngân vốn sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh;

UBND huyện Sơn Tịnh báo cáo tình hình thực hiện phân bổ và giải ngân vốn sự nghiệp 02 Chương trình mục tiêu quốc gia gồm: Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững đến hết tháng 4 năm 2024.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

UBND huyện Sơn Tịnh báo cáo Sở Tài chính biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, các PCVP;
- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: VT



CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường



STT	Nội dung	Dự toán năm được chi			Lũy kế vốn thanh toán đến hết tháng 4 năm 2024			Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao trong năm 2024	Tổng số	Thanh toán vốn năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn giao trong năm 2024	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=6/3
	Vốn ngân sách tỉnh	108,121	20,121	88,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	-	-	-	-	-	-	
4.2	Nội dung 02: Tuyên truyền tập huấn nâng cao năng lực CB CT	9,323	9,323	-	-	-	-	
	Vốn ngân sách trung ương	-	-	-	-	-	-	
	Vốn ngân sách tỉnh	9,323	9,323	-	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	-	-	-	-	-	-	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	6.889,468	666,468	6.223,000	91,136	90,636	0,500	1,32%
	Vốn ngân sách trung ương	6.226,836	569,836	5.657,000	90,808	90,308	0,500	
	Vốn ngân sách tỉnh	635,021	69,021	566,000	0,219	0,219	-	
	Vốn ngân sách huyện	27,610	27,610	-	0,109	0,109	-	
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	2.550,000	311,000	2.239,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách trung ương	2.294,000	259,000	2.035,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách tỉnh	243,000	39,000	204,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	13,000	13,000	-	-	-	-	
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	1.187,510	2,510	1.185,000	2,510	2,510	-	
	Vốn ngân sách trung ương	1.080,182	2,182	1.078,000	2,182	2,182	-	
	Vốn ngân sách tỉnh	107,219	0,219	107,000	0,219	0,219	-	
	Vốn ngân sách huyện	0,109	0,109	-	0,109	0,109	-	
2.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	908,510	2,510	906,000	2,510	2,510	-	
	Vốn ngân sách trung ương	826,182	2,182	824,000	2,182	2,182	-	
	Vốn ngân sách tỉnh	82,219	0,219	82,000	0,219	0,219	-	
	Vốn ngân sách huyện	0,109	0,109	-	0,109	0,109	-	
2.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	279,000	-	279,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách trung ương	254,000	-	254,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách tỉnh	25,000	-	25,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	-	-	-	-	-	-	
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	2.070,488	98,488	1.972,000	88,126	88,126	-	
	Vốn ngân sách trung ương	1.890,488	98,488	1.792,000	88,126	88,126	-	
	Vốn ngân sách tỉnh	180,000	-	180,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	-	-	-	-	-	-	
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.290,550	8,550	1.282,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách trung ương	1.173,550	8,550	1.165,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách tỉnh	117,000	-	117,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	-	-	-	-	-	-	
3.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	779,938	89,938	690,000	88,126	88,126	-	
	Vốn ngân sách trung ương	716,938	89,938	627,000	88,126	88,126	-	
	Vốn ngân sách tỉnh	63,000	-	63,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	-	-	-	-	-	-	
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	410,470	187,470	223,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách trung ương	355,167	152,167	203,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách tỉnh	43,702	23,702	20,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	11,601	11,601	-	-	-	-	
4.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về truyền thông	280,050	166,050	114,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách trung ương	235,700	131,700	104,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách tỉnh	33,000	23,000	10,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	11,350	11,350	-	-	-	-	
4.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	130,420	21,420	109,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách trung ương	119,467	20,467	99,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách tỉnh	10,702	0,702	10,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	0,251	0,251	-	-	-	-	
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	671,000	67,000	604,000	0,500	-	0,500	
	Vốn ngân sách trung ương	607,000	58,000	549,000	0,500	-	0,500	
	Vốn ngân sách tỉnh	61,100	6,100	55,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	2,900	2,900	-	-	-	-	
5.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	393,300	18,300	375,000	0,500	-	0,500	
	Vốn ngân sách trung ương	357,000	16,000	341,000	0,500	-	0,500	

STT	Nội dung	Dự toán năm được chi			Lũy kế vốn thanh toán đến hết tháng 4 năm 2024			Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao trong năm 2024	Tổng số	Thanh toán vốn năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn giao trong năm 2024	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=6/3
	Vốn ngân sách tỉnh	35,500	1,500	34,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	0,800	0,800		-	-	-	
5.2	Tiêu dự án 2: Giám sát đánh giá	277,700	48,700	229,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách trung ương	250,000	42,000	208,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách tỉnh	25,600	4,600	21,000	-	-	-	
	Vốn ngân sách huyện	2,100	2,100		-	-	-	